

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;


Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 sửa đổi Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức, quản lý hệ thống rừng đặc dụng; 

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 57/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 về phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2012 về chính sách phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 – 2020; Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 – 2015; Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 9 tháng 12 năm 2011 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007; Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2010 về ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh; Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 về việc ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước (NSNN) thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

a) Đối với vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện các dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 57/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015; Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 9/12/2011 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007; Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 về ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh; Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 về việc ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng (gọi chung là dự án bảo vệ và phát triển rừng);

b) Đối với dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng thuộc Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng được bố trí từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn Đầu tư phát triển của doanh

nghiệp nhà nước và các nguồn vốn khác do Nhà nước quản lý được thực hiện theo quy định của Thông tư này. Trường hợp, có những quy định khác đối với từng nguồn vốn thì thực hiện theo quy định của nguồn vốn đó;

c) Đối với các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng được sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trường hợp Điều ước quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có những quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn khác với các quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước quốc tế;

d) Đối với các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng được sử dụng nguồn vốn khác (ngoài nguồn nêu tại điểm a,b,c nêu trên), Nhà nước khuyến khích việc quản lý, thanh toán, quyết toán theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng.

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các dự án bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 2. Vốn đầu tư từ NSNN để thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bao gồm:

1. Vốn trong nước của các cấp NSNN;
2. Vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ và vốn viện trợ của nước ngoài cho Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước (phần NSNN).

Điều 3. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư từ NSNN

1. Cơ quan Kho bạc Nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN;
2. Cơ quan, đơn vị khác được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư từ NSNN cho một số dự án đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
3. Các tổ chức ngân hàng thương mại là ngân hàng phục vụ đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân bổ, thẩm tra phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư

Để phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát thanh toán, các Bộ, ngành và các địa phương giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho từng dự án, đảm bảo các điều kiện nguyên tắc sau:

1. Điều kiện dự án được giao kế hoạch vốn. ✈

a) Đối với vốn đầu tư từ ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư cho các dự án bảo vệ và phát triển rừng, phải đảm bảo đủ các thủ tục đầu tư dự án theo quy định; các dự án khởi công mới, dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư thuộc địa phương quản lý có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên phải được Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn, đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là các địa phương) thực hiện thẩm định nguồn vốn theo đúng quy định hiện hành;

b) Đối với vốn đầu tư từ ngân sách địa phương để thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo chính sách chung đảm bảo theo quy định hiện hành, các địa phương thực hiện thẩm định nguồn vốn trước khi phê duyệt dự án theo đúng quy định hiện hành.

2. Về mã số dự án và kế hoạch vốn:

Các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp phân bổ vốn đầu tư phát triển cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

a) Đối với các dự án do Bộ, ngành Trung ương quản lý:

Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn (nếu có) và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm được giao, các Bộ, ngành phân bổ chỉ tiêu kế hoạch vốn hàng năm cho Chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý đã đủ điều kiện quy định, đảm bảo đúng với mức vốn được giao; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước đúng thời gian quy định để theo dõi quản lý;

Kho bạc Nhà nước (trung ương) nhận được kế hoạch vốn đầu tư của Bộ, ngành Trung ương đã phân bổ chi tiết cho từng dự án, thực hiện chuyên kế hoạch vốn các dự án (có chi tiết theo mã chương, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) của các Bộ, ngành về Kho bạc Nhà nước (địa phương) để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn;

Đối với vốn (ODA), Bộ, ngành Trung ương gửi kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho từng dự án về tổ chức ngân hàng thương mại nơi chủ đầu tư mở tài khoản để thực hiện giao dịch nguồn vốn.

b) Đối với vốn đầu tư thuộc các địa phương quản lý:

Căn cứ vào kế hoạch trung hạn (nếu có) và kế hoạch hàng năm được giao, UBND các cấp lập phương án phân bổ vốn đầu tư trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, UBND phân bổ và quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư cho Chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý đã đủ các điều kiện quy định, đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế; đồng

thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước đúng thời gian quy định để theo dõi quản lý và làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn;

UBND các huyện gửi kế hoạch vốn đầu tư về Sở Tài chính, đồng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước (huyện) để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn. Đối với các huyện, quận, phường xã nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện theo Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính quy định về việc công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân.

3. Nội dung và thời gian giao kế hoạch vốn đầu tư: ngay sau khi nhận được kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hàng năm được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định (hoặc thông báo) các Bộ, ngành và các địa phương khẩn trương giao kế hoạch vốn cho từng dự án theo *Mẫu số 01/PBKH ban hành kèm theo Thông tư này*; thời gian giao kế hoạch vốn đảm bảo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Thẩm tra phân bổ vốn đầu tư.

a) Đối với dự án do các Bộ, ngành Trung ương quản lý:

Bộ Tài chính có ý kiến thẩm tra phân bổ gửi các Bộ, ngành trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ sau khi nhận được kế hoạch phân bổ vốn đầu tư của các Bộ, ngành. Trường hợp có dự án phân bổ không đúng quy định, Bộ Tài chính có ý kiến đề Kho bạc Nhà nước dừng thanh toán, nếu đã thanh toán thì thực hiện thu hồi số vốn đã thanh toán cho dự án đó. Các Bộ, ngành có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán và chịu trách nhiệm về hậu quả do việc phân bổ không đúng quy định gây ra.

b) Đối với dự án do địa phương quản lý:

- Đối với cấp tỉnh quản lý, trong quá trình tham gia với các đơn vị liên quan về kế hoạch vốn đầu tư hàng năm (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương), Sở Tài chính đồng thời thực hiện nhiệm vụ thẩm tra kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trước khi các cơ quan trình UBND cấp tỉnh quyết định. Căn cứ quyết định về kế hoạch vốn đầu tư của UBND cấp tỉnh giao, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định. Trường hợp có dự án không đủ thủ tục đầu tư, Kho bạc Nhà nước dừng thanh toán và thông báo cho Sở Tài chính để trình UBND cấp tỉnh xử lý;

- Đối với cấp quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh quản lý (gọi tắt là cấp huyện), Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ thẩm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngay trước khi trình UBND cấp huyện quyết định. Căn cứ quyết định về kế hoạch vốn đầu tư của UBND cấp huyện giao, Kho bạc Nhà

nước cấp huyện thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định. Trường hợp phát hiện dự án không đủ thủ tục đầu tư thì Kho bạc Nhà nước huyện dừng thanh toán và thông báo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND cấp huyện để xử lý.

5. Tài liệu để phục vụ cho cơ quan thẩm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ở địa phương bao gồm.

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư;
- Văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư.

b) Đối với dự án thực hiện đầu tư:

- Văn bản thẩm định nguồn vốn theo quy định đối với dự án khởi công mới, dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư;

- Quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật), các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).

6. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư.

a) Nguyên tắc:

- Định kỳ các Bộ, ngành trung ương và các địa phương rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án trong năm để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện sang các dự án đủ điều kiện có khối lượng để thanh toán;

- Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư từng dự án theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương chỉ đạo Chủ đầu tư dừng thanh toán tại thời điểm dự kiến điều chỉnh và làm việc với Kho bạc Nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn còn dư do không thực hiện được, đảm bảo cho kế hoạch của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc Nhà nước đã thanh toán theo *Mẫu biểu số 02/ XNVTT ban hành kèm theo Thông tư này*. Các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương chịu trách nhiệm về số liệu giải ngân và số kế hoạch vốn điều chỉnh. Thời hạn gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư chậm nhất ngày 15 tháng 5 của năm sau năm kế hoạch.

b) Các Bộ, ngành trung ương và các địa phương thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, gửi cơ quan Tài chính đồng cấp và Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ thanh toán. Thời hạn điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm cho từng dự án chậm nhất ngày 31 tháng 5 của năm sau năm kế hoạch. Việc thẩm tra điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư thực hiện như quy định tại khoản 4 của Điều này;

Kế hoạch vốn điều chỉnh của các dự án phải nằm trong phạm vi tổng vốn kế hoạch giao hàng năm đã bố trí và phải nằm trong phạm vi tổng kế hoạch trung hạn (nếu có). Tổng mức vốn điều chỉnh không được vượt kế hoạch đã

được Thủ tướng Chính phủ giao đối với nguồn vốn ngân sách trung ương và không vượt kế hoạch đã được Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện giao đối với nguồn vốn ngân sách địa phương theo *Mẫu số 03/ĐCKH ban hành kèm theo Thông tư này.*

Điều 5. Tạm ứng, Thanh toán và thu hồi vốn ứng

1. Mở tài khoản.

Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư và thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước và thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn. Đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài thực hiện việc mở tài khoản theo quy định tại Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Hồ sơ để thanh toán.

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các hồ sơ của dự án; các hồ sơ này phải là bản chính hoặc bản sao y bản chính, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ dự án lâm sinh và đối với dự án lâm sinh đến khi kết thúc hỗ trợ vốn từ NSNN, (trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

a) Đối với công tác chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (đối với dự án hoạt động lâm sinh);
- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.
- Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện: hồ sơ gồm (Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ).

b) Đối với công tác thực hiện đầu tư:

- Đối với dự án vốn trong nước:
 - + Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

+ Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (đối với dự án đầu tư hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng);

+ Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (đối với dự án hoạt động lâm sinh);

+ Hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (bao gồm các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định, trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật); đối với công việc lâm sinh là hợp đồng lâm sinh giữa chủ đầu tư với các nhà thầu hoặc các tổ, đội, hộ gia đình, các nhân, cộng đồng dân cư tham gia nhận thực hiện dự án;

+ Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của chủ đầu tư cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng;

+ Văn bản thẩm định nguồn vốn theo quy định (áp dụng đối với dự án thuộc các địa phương quản lý).

- Đối với dự án ODA: ngoài các tài liệu theo quy định tại điểm b, khoản 2 của Điều này, phải có:

+ Bản dịch bằng tiếng Việt bảo đảm tính pháp lý có chữ ký và dấu của chủ đầu tư: Điều ước quốc tế về ODA đã ký giữa Việt Nam và nhà tài trợ và các tài liệu liên quan đến việc thanh toán khác (nếu có). Riêng hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải là văn bản bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư (phần quy định về các điều kiện, điều khoản thanh toán và các nội dung liên quan trực tiếp đến việc thanh toán của hợp đồng). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung bản dịch tiếng Việt;

c) Đối với trường hợp Chủ đầu tư tự thực hiện:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của chủ đầu tư đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật);

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

- Văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

3. Tạm ứng vốn.

a) Hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn: căn cứ hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 2 của Điều này và mức vốn tạm ứng quy định ở điểm b, khoản 3 của Điều này; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gửi tới Kho bạc Nhà nước gồm: ✖

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng vốn đầu tư theo *Mẫu số 04/GĐNTTVĐT ban hành kèm theo Thông tư này*;

- Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính);

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu được thực hiện theo quy định dưới đây và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có):

+ Đối với các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng có hiệu lực thi hành (ngày 01/02/2014) được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ;

+ Đối với các hợp đồng đã ký kết và đang thực hiện trước ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ (ngày 01/02/2014) thì không phải thực hiện theo quy định này.

b) Mức vốn tạm ứng được thực hiện theo quy định dưới đây và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có):

Tổng mức vốn tạm ứng của các hợp đồng thực hiện trong năm tối đa là 30% kế hoạch vốn giao hàng năm cho dự án; Trường hợp dự án được bố trí kế hoạch vốn mà mức vốn tạm ứng không đủ theo hợp đồng, sau khi đã thanh toán khối hoàn thành và thu hồi toàn bộ hoặc một phần số vốn đã tạm ứng lần trước, theo đề nghị của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước tạm ứng tiếp cho dự án (tổng số vốn đã tạm ứng không vượt quy định của hợp đồng), tổng số dư vốn tạm ứng chưa thu hồi tối đa là 30% kế hoạch vốn giao hàng năm cho dự án.

Trường hợp, việc tạm ứng cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu, dự án.

c) Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng các công việc của dự án bảo vệ và phát triển rừng có hiệu lực; trên cơ sở đề nghị tạm ứng của chủ đầu tư, căn cứ vào kế hoạch vốn được giao trong năm kế hoạch, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, chuyển vốn tạm ứng theo đề nghị của chủ đầu tư, theo hợp đồng kinh tế ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu không được vượt quá mức vốn tạm ứng quy định nêu tại điểm b, khoản 3 của Điều này.

d) Thanh toán và thu hồi vốn tạm ứng:

- Vốn tạm ứng được thanh toán qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thanh toán từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thanh toán từng lần do Chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng;

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, Chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng;

+ Đối với các công việc khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc bồi thường, hỗ trợ.

đ) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với các tổ chức, nhà thầu, cá nhân, cộng đồng dân cư và hộ gia đình có tham gia thực hiện dự án đầu tư phát triển rừng tính toán mức tạm ứng hợp lý để đề nghị ứng vốn, nhưng không vượt quá mức quy định tại điểm b, khoản 3 của Điều này; đồng thời quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm đảm bảo hoàn trả đủ khối lượng số vốn đã tạm ứng và thu hồi toàn bộ vốn ứng khi khối lượng hoàn thành đạt đến 80% giá trị hợp đồng;

- Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu sử dụng sai mục đích, thì Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng Kho bạc Nhà nước thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích;

- Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

e) Nhà nước cấp vốn cho Chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ đầu tư có thể thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng thì Chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành (bao gồm dự án đầu tư hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng và dự án hoạt động lâm sinh) theo nguyên tắc:

a) Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng thì việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng: theo giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và điều kiện thanh toán phải được ghi rõ trong hợp đồng, việc thanh toán hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp sau: ➤

- Đối với hợp đồng trọn gói: Thanh toán theo tỉ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo thời gian:

+ Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

+ Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng: việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng quy định nêu trên.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng, việc thanh toán các khối lượng công việc phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung khối lượng công việc phát sinh thì chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

+ Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh;

+ Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán;

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian thì khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Luật giá có biến động bất thường hoặc khi Nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng;

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Đối với hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo tỷ lệ (%): trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng mà không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành;

- Hồ sơ thanh toán: khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán theo *Mẫu số 05.a/BXĐKLHT (kèm theo biên bản nghiệm thu)* và *Mẫu số 05.b/BXNKLDĐ* đối với khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng ban hành kèm theo *Thông tư này*;

+ Khi có khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng tính giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu theo *Mẫu số 06/BXNKLP* ban hành kèm theo *Thông tư này*;

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc thanh toán tạm ứng vốn đầu tư;

+ Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

b) Đối với các công việc của dự án được thực hiện không thông qua hợp đồng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, trường hợp tự làm), việc thanh toán trên cơ sở bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

Đối với chi phí đền bù, bồi thường hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng đã thực

hiện, việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình. Riêng chi phí cho công tác tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng phải có dự toán được duyệt; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyên tiền.

c) Đối với những trường hợp có thực hiện việc phúc tra nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo quy định thì kết quả phúc tra nghiệm thu là căn cứ sau cùng để thanh toán khối lượng công việc thực hiện dự án.

5. Kiểm soát thanh toán của Kho bạc nhà nước

a) Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, đối với trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện dự án, hồ sơ là văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ, thì căn cứ vào nội dung văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ của chủ đầu tư (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình; Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Kho bạc Nhà nước hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát thanh toán trong hệ thống Kho bạc Nhà nước, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau” và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Kho bạc Nhà nước kiểm soát, cấp vốn thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

d) Đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nếu Điều ước quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có những quy định về quản lý thanh toán, quyết toán vốn khác với các quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước quốc tế.

đ) Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối

lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Riêng đối với dự án ODA việc thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành, không bị hạn chế bởi kế hoạch tài chính hàng năm của dự án nhưng không vượt quá kế hoạch tài chính chung của toàn dự án.

e) Đối với một số dự án đặc biệt quan trọng cần phải có cơ chế tạm ứng, thanh toán vốn khác với các quy định trên đây, sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

g) Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, thời hạn thanh toán (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng) theo quy định tại khoản 7 của Điều này.

6. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án được thực hiện như sau:

a) Việc ứng trước dự toán ngân sách năm sau để thực hiện dự án bảo vệ và phát triển rừng được thực hiện theo quy định tại điều 61 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN và Thông tư số 59/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 và các văn bản bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

b) Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước vốn, các Bộ, ngành và địa phương phân bổ đúng danh mục đã được giao. Bộ Tài chính thông báo cho Bộ, ngành và địa phương về danh mục, tổng mức ứng, nguồn vốn ứng, niên độ ứng và thu hồi, đồng gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho dự án. Trường hợp các Bộ, ngành và địa phương phân bổ sai danh mục và mức vốn ứng theo thông báo của Bộ Tài chính thì Kho bạc Nhà nước dừng thanh toán đồng thời báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý.

c) Thời hạn thanh toán: thực hiện như thời hạn thanh toán vốn đầu tư trong kế hoạch năm. Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời hạn thanh toán, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục huỷ bỏ mức vốn ứng trước chưa sử dụng.

d) Thu hồi vốn: các Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm bố trí kế hoạch vốn cho dự án trong dự toán ngân sách năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Khi thẩm tra phân bổ vốn đầu tư trong kế hoạch hàng năm, đối với vốn ngân sách trung ương Bộ Tài chính đồng thời thông báo thu hồi vốn ứng trước, số thu hồi tối đa bằng mức vốn đã được ứng trước, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thu hồi. Đối với vốn ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, trường hợp Ủy ban nhân dân các cấp không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn thu hồi theo quy định, Kho bạc Nhà nước địa phương thông báo cho Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch để báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định.✈

đ) Quyết toán vốn: Thời hạn quyết toán vốn ứng trước theo thời hạn được bố trí vốn để thu hồi. Trường hợp dự án được thu hồi vốn ứng theo thời kỳ một số năm thì số vốn thu hồi của kế hoạch năm nào được quyết toán vào niên độ ngân sách năm đó, số vốn đã thanh toán nhưng chưa bố trí để thu hồi được chuyển sang năm sau quyết toán phù hợp với kế hoạch thu hồi vốn.

7. Thời hạn thực hiện và thanh toán vốn đầu tư.

a) Kế hoạch vốn của năm được cấp phát cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu lần cuối đến hết ngày 30 tháng 4 của năm sau năm kế hoạch; thời gian thanh toán vốn kế hoạch năm được thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 của năm sau năm kế hoạch;

b) Kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn:

- Hết ngày 30 tháng 6 năm sau, kế hoạch vốn đã giao cho các dự án chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết không được chi tiếp và bị huỷ bỏ; trừ các trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm sau (nếu có);

- Việc xét chuyển vốn kéo dài của các dự án: sau khi kết thúc thời hạn thanh toán vốn hàng năm theo quy định (ngày 30 tháng 6 năm sau), căn cứ vào tình hình thực hiện và thanh toán vốn của các dự án hoạt động lâm sinh, theo đề nghị của chủ đầu tư các dự án thuộc đối tượng (tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, khoản 7 của Điều này), cơ quan chủ quản tổng hợp, có văn bản đề nghị kèm theo xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi dự án mở tài khoản về số vốn đã thanh toán đến hết ngày 30 tháng 6 năm sau gửi Bộ Tài chính (đối với các dự án thuộc ngân sách trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương);

- Thời gian xét chuyển kéo dài:

+ Văn bản đề nghị kéo dài của các cơ quan chủ quản được chậm nhất ngày 31 tháng 7 hàng năm, trong đó phải ghi rõ tên dự án, kế hoạch vốn năm, số vốn đã thanh toán đến hết 30 tháng 6 năm sau, số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán, thời gian kéo dài, lý do kéo dài;

+ Căn cứ văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản, Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với các dự án thuộc ngân sách trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương) quyết định danh mục, thời hạn các dự án đầu tư được phép kéo dài;

+ Việc quyết định danh mục, thời hạn các dự án được phép kéo dài kết thúc trước ngày 30 tháng 8 hàng năm;

Hết ngày 30 tháng 8 năm sau, các trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp nhận cho kéo dài thực hiện kế hoạch sang ngân sách năm sau chi tiếp thì số vốn còn lại bị huỷ bỏ;

- Thời hạn thanh toán vốn kéo dài: không quá ngày 31 tháng 12 của năm sau năm kế hoạch. Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 6. Chế độ báo cáo, quyết toán, kiểm tra

1. Báo cáo.

a) Đối với các chủ đầu tư, các Bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước, Thông tư số 05/2007/TT-BKH ngày 9/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định 52/2007/QĐ-TTg về chế độ báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối với Kho bạc Nhà nước:

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;

- Kết thúc năm kế hoạch, Kho bạc Nhà nước tổng hợp số liệu thanh toán vốn đầu tư báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định về quyết toán ngân sách nhà nước;

- Hết năm kế hoạch, Kho bạc Nhà nước xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án do chủ đầu tư lập theo 2 thời điểm: đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và đến hết ngày 30 tháng 6 năm sau.

2. Quyết toán vốn đầu tư.

a) Quyết toán vốn đầu tư hàng năm:

Việc quyết toán vốn đầu tư hàng năm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (hiện nay quy định tại Thông tư 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm) và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

b) Quyết toán các dự án hoàn thành:

Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước (hiện nay quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước) và các văn bản bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

Riêng dự án đầu tư phát triển rừng về hoạt động lâm sinh do các cá nhân, hộ gia đình, tổ, đội, cộng đồng dân cư thực hiện, chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý) lập báo cáo quyết toán chi tiết (bản quyết toán khối lượng) kết quả thực hiện dự án hay hạng mục dự án theo *Mẫu số 07/BQTCT ban hành kèm theo Thông tư này*. Đối với các dự án có nhiều hoạt động lâm sinh hay hạng mục công trình lâm sinh, tùy theo quy mô, tính chất và thời hạn thực hiện hoạt động, chủ đầu tư có thể thực hiện quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư cho từng hoạt động, từng công trình độc lập hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

theo yêu cầu của người quyết định đầu tư. Giá trị đề nghị quyết toán của hoạt động, công trình lâm sinh là khối lượng thực hiện theo dự toán và được nghiệm thu (bao gồm phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đầu tư của các tổ chức thực hiện hoạt động lâm sinh);

Đối với các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng tổng hợp (gọi tắt là dự án đầu tư lâm nghiệp) có tính chất như một loại dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập (có quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình riêng biệt) thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập được thực hiện quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập theo quy định tại Thông tư này. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư (hoặc chủ quản đầu tư trong trường hợp có nhiều chủ đầu tư các dự án thành phần) tổng hợp kết quả quyết toán toàn bộ dự án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt; không phải thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định;

Đối với phân hoạt động lâm sinh bị rủi ro do các yếu tố bất khả kháng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, xác định phân vốn ngân sách nhà nước bị thiệt hại để tổng hợp báo cáo cấp quyết định đầu tư xem xét quyết định xử lý.

c) Kiểm tra:

Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh (thành phố) trực thuộc trung ương, cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, quyết toán và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

Cơ quan Tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan

1. Đối với chủ đầu tư.

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển;

b) Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện và tuân thủ theo định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc của cấp có thẩm quyền phê duyệt; chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước; ✎

c) Khi có khối lượng đã đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng, tiến hành nghiệm thu kịp thời, lập đầy đủ hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng;

d) Căn cứ vào các quy định hiện hành của Luật Bảo hiểm, Luật Xây dựng Chủ đầu tư mua bảo hiểm đối với các dự án đầu tư;

đ) Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc Nhà nước và cơ quan Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

e) Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn cho các nhà thầu và đảm bảo thu hồi vốn ứng theo đúng quy định;

g) Thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành. Hết năm kế hoạch, lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư năm gửi Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư giao dịch để xác nhận theo 2 thời điểm: đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và đến hết ngày 30/6 năm sau theo *Mẫu số 08/ĐC/SLTT ban hành kèm theo Thông tư này*;

h) Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc Nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn;

2. Kho bạc Nhà nước.

a) Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định;

b) Có ý kiến bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc mà chủ đầu tư đề nghị trong việc thanh toán vốn;

c) Kho bạc Nhà nước chỉ kiểm soát thanh toán trên cơ sở các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, định mức, đơn giá, chất lượng công trình;

d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát thanh toán vốn;

đ) Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích; ➡

e) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư theo chế độ quy định;

g) Định kỳ và đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư về tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư;

h) Hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án theo 2 thời điểm: đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và đến hết ngày 30 tháng 6 năm sau với các nội dung theo Mẫu số 08/ĐCSLTT ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện.

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước;

b) Trong phạm vi thẩm quyền được giao, ban hành tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư theo quy định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật về những quyết định của mình.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ vào quy định hiện hành, dự kiến phân bổ vốn đầu tư do địa phương quản lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chỉ tiêu nhiệm vụ Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng gắn với kế hoạch vốn hàng năm trình UBND tỉnh, thành phố phê duyệt;

Tham mưu giúp UBND tỉnh, thành phố trong việc chỉ đạo, điều hành các chủ đầu tư thực hiện kế hoạch được giao.

6. Sở Tài chính.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ quan liên quan thẩm tra việc phân bổ vốn đầu tư, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trước khi trình UBND tỉnh, thành phố quyết định giao kế hoạch vốn và tham mưu giúp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc chỉ đạo, điều hành các chủ đầu tư thực hiện kế hoạch giao;

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thẩm định quyết toán các dự án do địa phương quản lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định.

7. Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Tham mưu giúp UBND huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; thực hiện thẩm định dự án, thẩm tra quyết toán các dự án do cấp huyện quản lý để trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định.

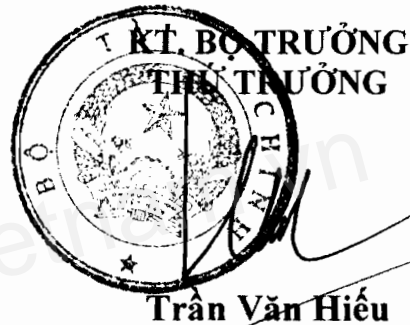
Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2014. Thông tư này thay thế Thông tư số 172/2011/TT-BTC ngày 1/12/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình lâm sinh thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Ban kinh tế TW;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn KT, Tổng công ty;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo, VP Ban CĐTW về PCTN;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu:VT, ĐT (380) .



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHO KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG THUỘC NSNN NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã chương:

ĐV: triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết quận, huyện)	Mã số dự đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (lần đầu)			Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch vốn NSTW trung hạn (nếu có)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...		Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn đã ứng (nếu có)	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số																	
	Vốn trong nước																	
	Vốn ngoài nước																	
I	Vốn chuẩn bị đầu tư																	
	Dự án ...																	
	Dự án ...																	
II	Vốn thực hiện dự án																	
1	Vốn trong nước																	
	Dự án ...																	
	Dự án ...																	
2	Vốn ngoài nước																	
	Dự án ...																	

Ghi chú : + Vốn trong nước, vốn ngoài nước; khi tổng hợp chia thành các dự án hoàn thành, chuyển tiếp và khởi công mới.

..., ngày... tháng... năm 20...

+ Cột 17 phản ánh số vốn được phân bổ trong năm (bao gồm cả số vốn bố trí để thu hồi số vốn đã ứng trước dự toán ngân sách năm sau).

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

Nơi nhận :

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Kho bạc Nhà nước;
- Cơ quan tài chính.

XÁC NHẬN VỐN ĐÃ THANH TOÁN, VỐN CÒN DƯ CỦA KẾ HOẠCH NĂM.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn được giao trong năm	Số vốn đã thanh toán			Tổng số vốn kế hoạch năm còn dư chưa thanh toán	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	- Vốn trong nước						
	+ Vốn Ngân sách trung ương						
	+ Vốn Ngân sách địa phương						
	- Vốn ngoài nước						
2	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	+ Vốn Ngân sách trung ương						
	+ Vốn Ngân sách địa phương						
	Vốn ngoài nước						

Ngày . . . tháng . . . năm

Chủ đầu tư

Kho bạc Nhà nước

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN RỪNG THUỘC NSNN NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

ĐV: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết quận, huyện)	Mã số dự đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (lần đầu)			Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch vốn NSTW trung hạn (nếu có)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...		Số vốn đã thực hiện từ đầu năm đến nay	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư năm ...		Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn đã ứng (nếu có)		Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn đã ứng (nếu có)	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng số																				
	Vốn trong nước																				
	Vốn ngoài nước																				
I	Vốn chuẩn bị đầu tư																				
1	Vốn trong nước																				
	Dự án ...																				
	Dự án ...																				
2	Vốn ngoài nước																				
	Dự án ...																				
	Dự án ...																				
II	Vốn thực hiện dự án																				
1	Vốn trong nước																				
	Dự án ...																				
	Dự án ...																				
2	Vốn ngoài nước																				
	Dự án ...																				
	Dự án ...																				

..., ngày... tháng... năm 20...

Ghi chú:

- + Cột 17 phản ánh số vốn đã được phân bổ trong năm (bao gồm cả vốn bố trí đề thu hồi số vốn đã ứng trước năm kế hoạch)
- + Cột 20 phản ánh số vốn điều chỉnh trong năm (bao gồm cả vốn bố trí đề thu hồi số vốn đã ứng trước năm kế hoạch)

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Kho bạc Nhà nước;
- Cơ quan tài chính.

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

CHỦ ĐẦU TƯ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước.....

- Tên dự án, công trình:
- Chủ đầu tư/Ban QLDA..... mã số ĐVSDNS:.....
- Số tài khoản Chủ đầu tư:
 - Vốn trong nước:..... Tại:.....
 - Vốn ngoài nước:..... Tại:.....
- Căn cứ hợp đồng sốngày.....tháng.....năm.....
- Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số.....ngày.....tháng.....năm.....
- Số dư tạm ứng của các hạng mục/gói thầu đề nghị thanh toán:.....đồng.
- Số tiền đề nghị:

Tạm ứng	Thanh toán
---------	------------

 Theo nội dung sau đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
- Thuộc nguồn vốn: (XDCB tập trung; CTMT,.....).....
- Thuộc kế hoạch vốn: Năm:.....

Đơn vị: đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán KLHT kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc gói thầu hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán					
Cộng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán kỳ này (bằng số):

Bằng chữ:

Trong đó: - Thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước:

+ Vốn trong nước:

- Thuế giá trị gia tăng:.....

- Chuyên tiền bảo hành: (bằng số).....

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước: (bằng số):.....

+ Vốn trong nước: (bằng số):.....

Tên đơn vị thụ hưởng:

Số tài khoản của đơn vị thụ hưởng:..... Tại:.....

..., ngàytháng.....năm

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư:.....

Kho bạc Nhà nước chấp
nhận

Tạm ứng	Thanh toán
---------	------------

Theo nội dung
sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận:			
+ Mục, tiêu mục.....			
+ Mục, tiêu mục.....			
+ Mục, tiêu mục.....			
+ Mục, tiêu mục.....			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng:			
Các năm trước:			
Năm nay:			
+ Thuế giá trị gia tăng			
.....			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng:			

Bằng chữ:.....

Số từ chối:

--	--	--

Lý do từ chối:.....

.....
.....

Ghi chú:

.....
.....

....., ngàytháng.....năm

Cán bộ thanh toán
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc KBNN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

Bên giao thầu:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm.....

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Thực hiện		
				Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng số:										

1. Giá trị hợp đồng:
 2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
 5. Số tiền thu hồi tạm ứng kỳ này (theo quy định của hợp đồng):
 6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
 - + Số đã tạm ứng:
 - + Thanh toán khối lượng hoàn thành:
- Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).
- Luỹ kế giá trị thanh toán:

Ngày..... tháng..... năm 20...

Đại diện nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**BẢNG KÊ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐÃ THỰC HIỆN**

(Kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	QĐ phê duyệt phương án đền bù GPMB (dự án.....)		Số tiền Hội đồng đền bù GPMB đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Số tiền		
1	2	3	4	5	6
I	Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức:				
	1.....				
	2.....				
II	Thanh toán trực tiếp cho hộ dân:				

Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Đại diện chính quyền
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngàytháng..... năm
Hội đồng đền bù GPMB
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÔNG VIỆC, KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

Bên giao thầu:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm.....

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Công việc, khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền		Ghi chú
			Tổng giá trị phát sinh	Thực hiện			Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
				Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số:								

1. Tổng giá trị phát sinh:
 2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 3. Số tiền đã thanh toán công việc, khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 4. Luỹ kế giá trị công việc, khối lượng, phát sinh thực hiện đến cuối kỳ này:
 5. Số tiền thu hồi tạm ứng kỳ này (theo quy định của hợp đồng):
 6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
 - + Số tạm ứng:
 - + Thanh toán công việc, khối lượng phát sinh hoàn thành:
- Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).
- Luỹ kế giá trị thanh toán:

Ngày..... tháng..... năm 20...

Đại diện nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Người lập quyết toán

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

..., ngày... tháng...năm 20...

Chủ đầu tư (ban quản lý)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- + Dự án có vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
- + Cột B ghi các đơn vị tổ chức, hộ dân.. nhận trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo từng hợp đồng
- + Cột 01 phản ánh khối lượng dự án hoặc Báo cáo KTKT-DT được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- + Cột 02 số dự toán được duyệt là số theo hợp đồng của chủ đầu tư (hoặc ban quản lý) đã ký với các đối tượng nhận trồng, chăm sóc rừng
- + Cột 03 phản ánh số dự toán được nhà nước hỗ trợ theo chế độ, định mức quy định tại thời điểm thực hiện dự án đã được ký kết trong hợp đồng.
- + Cột 04 Khối lượng thực hiện được nghiệm thu.
- + Cột 05,06,07 đơn giá dự toán duyệt
- + Cột 08,09,10 đơn giá, định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
- + Cột 11 Tổng giá trị quyết toán của dự án hoặc hạng mục dự án
- + Cột 12 giá trị nhà nước hỗ trợ

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 85 /2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm ...	Số vốn đã thanh toán trong năm...		Tổng số vốn theo kế hoạch còn lại chưa thanh toán	Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành			Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
A	Số liệu của chủ đầu tư:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
B	Số liệu của Kho bạc nơi giao dịch:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						

2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)					
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
C	Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:					
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3):					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
1	Kế hoạch vốn trong năm					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)					
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					

Ghi chú : + Số vốn thanh toán trong năm là số vốn được thanh toán theo niên độ NSNN theo quy định (đến hết 31/1 năm sau).

+ Số vốn ứng trước kế hoạch năm sau là số vốn được thanh toán đến 31/1 năm sau.

+ Số vốn kéo dài KH năm trước chuyển sang: (bao gồm số vốn kế hoạch năm thanh toán từ ngày 01/2 đến ngày 30/6 năm sau và số vốn được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài).

+ Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch: là tổng số vốn kế hoạch đã phân bổ và vốn đã thanh toán cho dự án đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch.

- Vốn trong nước: là vốn ngân sách nhà nước các cấp trung ương, địa phương.

- Vốn ngoài nước: là vốn vay và vốn viện trợ của nước ngoài.

- Cột 6: vốn tạm ứng theo chế độ còn lại chưa thu hồi đến 31/1 năm sau.

Ngày . . . tháng . . . năm

Chủ đầu tư

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày . . . tháng . . . năm ↙

Kho bạc Nhà nước

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)